

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/5/2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/ Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoài Hiền Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1999 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn V, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc T trình bày:

Tôi và anh Trần Văn V quen biết nhau thông qua người quen giới thiệu, sau đó đám cưới vào năm 2017 nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến năm 2023 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2023 ngày 06/6/2023. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống cùng gia đình chồng, thời gian đầu cuộc sống ổn định. Sau khi kết hôn vài tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng hòa giải được. Cách đây khoảng 01 năm thì vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V đi làm có tiền nhưng không phụ giúp gia đình để cùng lo cho con chung. Anh V còn ghen tuông cho rằng tôi quen với người khác nhưng thật sự tôi không có quen ai. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra anh V thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi không lo cho gia đình. Anh V còn tụ tập với bạn bè sử dụng ma túy bị công an mời làm việc nhiều lần. Tôi có nhờ chính quyền địa phương can thiệp do anh V đòi đánh tôi, đe dọa tôi nhiều lần. Từ đầu năm 2023 đến nay chúng tôi ly thân nhau, tôi về sinh sống cùng với cha mẹ ruột tôi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Nhật H, sinh ngày 18/9/2019. Ly hôn tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung do từ lúc vợ chồng ly thân đến nay con chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn V vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 31/3/2025 bị đơn anh Trần Văn V trình bày: Về thời gian kết hôn, con chung tôi thống nhất với lời trình bày của chị T. Nay chị T yêu cầu ly hôn tôi không đồng ý ly hôn do tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Trần Nhật H, sinh ngày 18/9/2019. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì tôi giao cho con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh V, chị T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu được ly hôn với anh V, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh V có nơi cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2023 ngày 06/6/2023 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu phát sinh vào năm 2023. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V đi làm có tiền nhưng không phụ giúp gia đình đề cùng lo cho con chung. Anh V còn ghen tuông cho rằng chị T quen với người khác. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra anh V thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi không lo cho gia đình. Anh V còn tụ tập với bạn bè sử dụng ma túy bị công an mời làm việc nhiều lần. Anh V đòi đánh chị và đe dọa chị nhiều lần. Từ đầu năm 2023 đến nay chị và anh V ly thân nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã phát sinh trong thời gian dài, từ lúc ly thân đến nay chị T và anh V cũng không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T giữ nguyên

yêu cầu được ly hôn. Anh V mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào có hiệu quả nhằm hàn gắn tình cảm gia đình.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng anh V không quan tâm, không cùng chị T chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình sống chung chị T và anh V có một con chung là cháu Trần Nhật H, sinh ngày 18/9/2019. Xét thấy từ lúc chị T và anh V ly thân đến nay cháu Nhật H do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời anh V cũng đồng ý giao cháu Nhật H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu Nhật H cần tiếp tục giao cháu Nhật H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị T, anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: chị Trương Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trần Văn V.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Nhật H, sinh ngày 18/9/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa yêu cầu.

Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số

0002986 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị T đã thi hành xong án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: chị T, anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Giang